

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v: “Ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng;
2. Ông Nguyễn Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà E N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Số nhà D, đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 17, phân trại Số 1, trại giam Số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau vào ngày 28/4/2011, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường cãi vã nhau. Đến năm 2018 anh P bị bắt và đã bị Tòa án xét xử 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay anh P đang chấp hành án tại trại giam S thuộc huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn P trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân anh thống nhất như chị Nguyễn Thị H trình bày. Nay anh P xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị H không còn, chị H làm đơn ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/02/2011. Vợ chồng ly hôn, do hiện nay anh đang chấp hành án nên anh P đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên Hòa giải nhưng anh P đang chấp hành án, không có mặt, do vậy Tòa án không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải được.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phía bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được tổng đạt hợp lệ và anh P đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

* Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn có lời khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đang chấp hành án nên vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, Viện kiểm sát thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống bất đồng, anh Nguyễn Văn P vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị H làm đơn ly hôn anh Nguyễn Văn P cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn vì hiện nay anh P đang chấp hành án nên anh cũng đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A và không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

Về tài sản, công nợ chung: Anh P và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được tổng đạt hợp lệ, hiện nay anh Nguyễn Văn P đang chấp hành án, anh P đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn P.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sinh sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống bất đồng, anh Nguyễn Văn P vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị H, anh P và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Nay chị Nguyễn Thị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn ly hôn anh P là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A vì hiện nay anh P đang chấp hành án, anh phúc cũng đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 @ồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 01/02/2011. Ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Nguyễn Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000@ đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003074 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Đông Hương ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt